TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30/8/2019

Về việc "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Yến;

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mạnh Biện và ông Nguyễn Thanh Minh;

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tân Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại Toà án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 186/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị M, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4 khu phố PH 2, phường PĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985 (có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp PT A, xã PT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp

Nơi cư trú: Tổ 4 khu phố PH 2, phường PĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ sau thời gian tìm hiểu, đã tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 8 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã PT A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp theo đúng quy định pháp luật. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng mười năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Chị đã nộp đơn ly hôn anh Nguyễn Văn Đ vào tháng 12 năm 2018 nhưng chị muốn cho anh Văn Đ cơ hội để khắc phục nên chị rút đơn khởi kiện, nhưng anh Văn Đ không sửa đổi. Chị thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên muốn ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 16/01/2008. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về nợ chung và tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 08 tháng 7 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Bùi Thị M về thời gian chung sống, về tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Anh cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt có thể hàn gắn được. Anh không đồng ý ly hôn, vì anh còn thương vợ và con.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 16/01/2008. Trường hợp chị M cương quyết ly hôn và Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì tùy cháu Hoàng N muốn sinh sống với cha hay mẹ sau khi ly hôn, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Bùi Thị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa và thông qua nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị M, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do chị Bùi Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Anh Nguyễn Văn Đ hiện cư trú tại địa chỉ tổ 4 khu phố PH 2, phường PĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Về sự tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL, tỉnh Bình Phước: Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL không tham gia phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 8 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã PT A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của chị Bùi Thị M, anh Nguyễn Văn Đ là hợp pháp.

Chị Bùi Thị M trình bày, vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm sống nên thường mâu thuẫn. Chị đã nộp đơn ly hôn anh Nguyễn Văn Đ vào tháng 12 năm 2018, chị đã cho anh Văn Đ cơ hội thay đổi nhưng anh Văn Đ không sửa đổi. Anh Văn Đ cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt có thể hàn gắn được vì anh vẫn còn thương yêu gia đình. Tại phiên tòa, anh xác nhận từ khi chị Bùi Thị M nộp đơn ly hôn đến nay không còn quan tâm và nói chuyện mỗi khi anh hỏi chuyện. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị Bùi Thị M và anh Nguyễn Văn Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị M.

[3]. Về con chung: Chị Bùi Thị M yêu cầu được trực tiếp con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 16/01/2008 sau khi ly hôn, cháu Hoàng N có nguyện vọng sinh sống với chị Bùi Thị M sau khi cha mẹ ly hôn. Để ổn định tâm lý cho con, thì cần giao con chung cho chị Bùi Thị M trực tiếp nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của con trên 7 tuổi, nên yêu cầu của chị Bùi Thị M được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, Bùi Thị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 16/01/2008 cho chị Bùi Thị M trực tiếp nuôi sau khi ly hôn, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004564 ngày 02/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BP;
- VKSND thị xã Bình Long;
- Chi cục THADS thị xã Bình Long;
- UBND xã Phú Thuận A;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Yến